

Đề bài

Phân tích hình tượng
sóng trong bài thơ cùng
tên của Xuân Quỳnh và
cảm nhận về tâm hồn
người phụ nữ trong tình
yêu qua bài thơ.

Bài làm

Tiếng hát con tàu là một trong những thành công tiêu biểu cho phong cách thơ Chế Lan Viên: phong cách triết luận – tâm tình. Đó là lúc bài thơ vừa dồi dào cảm xúc, vừa trĩu nặng suy tư. *Tiếng hát con tàu* vừa dạt dào tình cảm với đất nước và con người, vừa tràn đầy những suy tư chiêm nghiệm về lẽ đời, lẽ sống của con người, lẽ sống của thơ ca, trong đó có những đoạn đã kết tinh được toàn bộ xúc cảm và ý thơ của bài thơ.

*“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn.
Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”.*

Đây là một đoạn đặc sắc. Đoạn thơ này thuộc về mạch hồi tưởng vừa da diết, vừa ân tình đối với miền Tây. Tây Bắc hiện lên với một chuỗi nỗi nhớ gắn với những gương mặt thân thương: “con nhớ anh con”, “con nhớ em con”, “con nhớ mẹ”. Rồi đến các bản làng, những miền đất mà người con ấy đã đi qua, đã gắn bó. Và cuối cùng là nỗi nhớ dành cho tình yêu đôi lứa.

Đoạn thơ này gồm hai khổ. Mỗi khổ có một nội dung riêng. Nếu ba khổ trên, nói đến người anh, người em và bà mẹ, tác giả chỉ bộc bạch những tình cảm chân thành, và sâu lắng, chúng ta còn thấy Chế Lan Viên đúc kết, chung cất những xúc cảm ấy thành những triết lý, chân lí, thành quy luật của tình cảm. Do đó, nó vừa có vẻ đẹp của thơ, vừa có sự sâu sắc của một châm ngôn.

Khổ thơ thứ nhất mở đầu bằng một câu gián dị, cất lên từ nguồn cảm xúc mãnh liệt:

“Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ”

Câu thơ được ngắt thành hai vế, mỗi vế được bắt đầu bằng chữ “nhớ”. Nó tạo cho câu thơ âm hưởng như một điệp khúc. Nó gợi hình ảnh một cái tôi, một nhân vật trữ tình chìm đắm trong một nỗi nhớ triền miên. Kỉ niệm này chưa mờ đi, kỉ niệm khác đã trở dậy... Đến câu thơ thứ hai, cảm xúc đã có phần chuyển hóa thành suy tư, đúc kết:

“Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương”

Nhưng đâu sao đây mới chỉ là một sự khái quát đơn thuần. Phải đến hai câu tiếp theo nó mới thật sự là triết lí, xúc cảm đã kết tinh thành châm ngôn:

*Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn!*

Câu thơ này là sự đúc kết về một quy luật nhân sinh, một sự kì diệu của tâm hồn, nó đánh động đến tâm linh của tất cả chúng ta. Trong đời ai chẳng từng sống ở những mảnh đất, qua những miền quê, nhất là những cán bộ kháng chiến. Những năm tháng sống với các miền đất ấy, chính là những quãng đời của chúng ta. Những quãng đời ấy nối tiếp nhau dệt thành cuộc đời mỗi con người. Đúng vậy, đời người là gì nếu chẳng phải là sự tuần hoàn của “ở” và “đi”. Chuyện “ở” và “đi” của con người đã chứa đựng trong đó sự chuyển hóa âm thầm mà chính chúng ta cũng không hay biết. Khi ta ở, nghĩa là khi ta đang sống trong hiện tại, thì hiện tại dường như chưa cho chúng ta thấy tình cảm thật sự của mình. Thậm chí, ta tưởng như miền đất ta đang ở cũng chỉ như bao nhiêu miền đất khác, “chỉ là nơi đất ở”, thế thôi. Phải đến khi vì một lí do nào đó ta phải từ giã miền đất ấy, quãng đời sống ở đây bỗng trở thành quá khứ, miền đất từng cưu mang ta lùi lại phía sau lưng, bây giờ ta mới hiểu. Nhìn vào lòng ta, ta mới chợt nhận ra: chính ta đã gắn bó với miền đất kia từ lúc nào cũng không hay. Tình cảm cứ âm thầm hình thành, âm thầm bồi đắp mà ta không biết. Phải đến lúc này ta mới nhìn rõ hơn bao giờ hết mà tình cảm đã làm nên một điều kì diệu: nó khiến cho “đất đã hóa tâm hồn”. Thì ra, trong những tháng ngày ta đi mảnh đất từng che chở nuôi nấng ta vẫn cứ dỗi theo ta từng bước, vẫn thầm nhắc ta trở lại, ấy thế mà nhiều ta thật vô tình. Song kì thực là mảnh đất ấy đã gắn bó máu thịt với ta. “Đất đã hóa tâm hồn”, nghĩa là miền đất ấy đã hóa thành tâm hồn của chúng ta. Ta không thể hình dung được đầy đủ về cuộc đời mình, nếu thiếu đi những đất kia là một phần cuộc đời ta, là hành trang tinh thần không thể thiếu của ta... Có lẽ vì thế mà tác giả đã viết “Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”. Câu thơ này gợi nhớ đến một câu thơ nổi tiếng của Hoàng Trung Thông:

“Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”.

Câu thơ cũng được viết theo một lối tư duy. Đó là lối đúc kết triết lý. Cũng phát hiện về sự kì diệu, nhưng nếu Hoàng Trung Thông khám phá ra sự kì diệu của lao động, thì Chế Lan Viên khám phá ra sự kì diệu của tình cảm. Nói khác đi, đó là sự kì diệu của bàn tay và trái tim. “Sỏi đá thành cơm” là một sự biến hóa, nhưng dù sao vật chất cũng mới chỉ là vật chất. Còn “đất đã hóa tâm hồn” thì quả thật là một sự đột biến, bởi vật chất đã hóa thành tinh thần. Thậm chí, từ dạng thô sơ nhất của vật chất biến thành dạng tinh túy nhất của tinh thần. Rõ ràng câu thơ của Chế Lan Viên là một chân lí có tính phổ biến toàn nhân loại, nó không chỉ đúng với một nơi, một thời, mà đúng với hết thảy con người trên thế gian này.

Trong chuỗi nhớ về Tây Bắc cuối cùng là nỗi nhớ của tình yêu. Và nó là hình ảnh rực rỡ nhất, óng ánh nhất của đoạn thơ. Lời thơ của Chế Lan Viên vừa sâu sắc, vừa tinh tú:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

*Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”.*

Đến đây, Chế Lan Viên đã dừng lại bút pháp đã từng sử dụng khi viết về mối quan hệ giữa “con” và nhân dân. Đó là việc tạo ra những cặp hình ảnh gắn bó khăng khít với nhau, không thể tách rời, cái này là sự sống của cái kia, cái kia là điều kiện của cái này:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa
Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”*

Trong khổ thơ ấy, chúng ta có thể thấy các cặp hình ảnh: nai – suối cũ, cỏ – tháng giêng, chim én – mùa xuân, con khát trẻ thơ – bầu sữa mẹ, chiếc nôi ngừng – cánh tay đưa. Ở đoạn thơ viết về tình yêu này, chúng ta cũng thấy Chế Lan Viên dùng những cặp hình ảnh: đông – rét, cánh kiến – hoa vàng, mùa xuân – lông trở biếc của chim rừng. “Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”, chúng ta không chỉ thấy đó sự so sánh tương đồng mà còn thấy cả sự tế nhị của tình yêu. Câu thơ “Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng” rục rờ, hư ảo. “Cánh kiến hoa vàng”, “chim rừng” đều là hình ảnh quen thuộc của Tây Bắc. Trên cơ sở ấy, tác giả đi đến cái đúc kết cuối cùng, lời thơ thực sự trở thành châm ngôn: “Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương”. Đúng là tình yêu có bao điều kì diệu, ở trên ta đã thấy chính tình yêu đã làm cho vùng đất vô tri vô giác trở thành có tâm hồn, trở thành tâm hồn của chính chúng ta. Còn ở đây, tình yêu đã biến những mảnh đất xa lạ thành quê hương của mỗi người.

Đoạn thơ này là một trong những đoạn hay nhất của bài thơ, trong đó có những câu được xem là hay nhất của đời thơ Chế Lan Viên. Ở đây, những cảm xúc sâu lắng lại được một suy tư sắc sảo nâng đỡ, cuối cùng nó đã kết tinh thành những câu thơ vừa đẹp, vừa trĩu nặng triết lí. Nghĩa là thành công này rất tiêu biểu cho một phong cách thơ của Chế Lan Viên: triết luận – tâm tình.

(Theo 217 đề và bài văn, tr.476)